

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

MÃ SỐ: 831010201

*(Ban hành theo Quyết định số 153/QĐ-ĐHQGHN ngày 11 tháng 01 năm 2018
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

*Cập nhật theo Công văn số 1884/ĐHQGHN-ĐT ngày 06/06/2017 và Công văn số
177/ĐHQGHN-ĐT ngày 18/01/2019 của Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- **Tên chuyên ngành đào tạo:**
 - + Tiếng Việt: Kinh tế chính trị
 - + Tiếng Anh: Political Economy
- **Mã số chuyên ngành đào tạo:** 831010201
- **Tên ngành đào tạo:**
 - + Tiếng Việt: Kinh tế chính trị
 - + Tiếng Anh: Political Economy
- **Mã số ngành đào tạo:** 8310102
- **Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ
- **Thời gian đào tạo:** 2 năm
- **Tên văn bằng tốt nghiệp:**
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Political Economy
- **Đơn vị đào tạo:** Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ kinh tế chính trị có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kinh tế chính trị hiện đại; có tầm nhìn và có khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm tư vấn, tham gia quản lý trong các tổ chức kinh tế, chính trị và xã hội, hệ thống cơ quan quản lý nhà nước các cấp. Thạc sĩ Kinh tế

chính trị có thể trở thành nghiên cứu viên ở các viện nghiên cứu kinh tế, chính trị, xã hội; có thể giảng dạy ở các trường đại học và cao đẳng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình được thiết kế nhằm đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị có kiến thức hệ thống, cơ bản về kinh tế chính trị hiện đại. Đó là những vấn đề kinh tế chính trị của quá trình phát triển của các quốc gia; kinh tế chính trị quốc tế về sở hữu, phân bổ các nguồn lực và lợi ích của các nước lớn, các định chế kinh tế quốc tế, các tập đoàn xuyên quốc gia... và kinh tế chính trị Việt Nam về các thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, lợi ích kinh tế và phân phối thu nhập, quan hệ giữa nhà nước và thị trường, hội nhập quốc tế... Để có thể tiếp thu được những kiến thức đó, người học còn được trang bị các kiến thức bổ trợ bằng một số học phần cơ sở và liên ngành.

Người học cũng được trang bị phương pháp tư duy khoa học, kỹ năng giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra: hiểu và tham gia triển khai được chủ trương, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Thạc sĩ Kinh tế chính trị có thể tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ kinh tế chính trị và tích lũy kiến thức từ hoạt động thực tiễn để trở thành chuyên gia Kinh tế chính trị, nhà quản lý, lãnh đạo trong cả khu vực công và tư.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

- Thi tuyển với các môn thi sau đây:
 - + Môn thi Cơ bản: Kinh tế chính trị
 - + Môn thi Cơ sở: Lịch sử các học thuyết kinh tế
 - + Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Điều kiện văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế chính trị hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế chính trị;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành Kinh tế (không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế chính trị) hoặc ngành gần với ngành Kinh tế chính trị có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 5 học phần (15 tín chỉ);

- Có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy ngành Kinh tế (không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế chính trị) hoặc ngành gần với ngành Kinh tế chính trị, có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 7 học phần (21 tín chỉ);

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác và có bằng lý luận chính trị trình độ từ trung cấp trở lên và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 09 học phần (27 tín chỉ).

3.2.2. Điều kiện thâm niên công tác

- Những người có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên và không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức được dự thi ngay;

- Những người có bằng tốt nghiệp đại học dưới loại khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng kí dự thi.

3.3. Danh mục các ngành gần

- Kinh tế (không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế chính trị), Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản trị kinh doanh, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Giáo dục chính trị (chuyên ban Kinh tế chính trị).

3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học ngành Giáo dục chính trị (chuyên ban Kinh tế chính trị) hoặc bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành Kinh tế chính trị, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 5 học phần (15 tín chỉ):

+	Kinh tế vi mô	(3 tín chỉ)
+	Kinh tế vĩ mô	(3 tín chỉ)
+	Lịch sử các học thuyết kinh tế	(3 tín chỉ)
+	Kinh tế học phát triển	(3 tín chỉ)

- + Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi (3 tín chỉ)
- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy ngành gần với ngành Kinh tế chính trị, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 7 học phần (21 tín chỉ):

- + Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)
- + Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)
- + Lịch sử các học thuyết kinh tế (3 tín chỉ)
- + Kinh tế học phát triển (3 tín chỉ)
- + Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi (3 tín chỉ)
- + Kinh tế quốc tế (3 tín chỉ)
- + Kinh tế học tiền tệ-ngân hàng (3 tín chỉ)

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác và có bằng lý luận chính trị từ trung cấp trở lên cấp, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 09 học phần (27 tín chỉ):

- + Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)
- + Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)
- + Lịch sử các học thuyết kinh tế (3 tín chỉ)
- + Kinh tế học phát triển (3 tín chỉ)
- + Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi (3 tín chỉ)
- + Kinh tế quốc tế (3 tín chỉ)
- + Kinh tế học tiền tệ-ngân hàng (3 tín chỉ)
- + Kinh tế học công cộng (3 tín chỉ)
- + Kinh tế học môi trường (3 tín chỉ)

3.5. Kế hoạch tuyển sinh

- Hàng năm Trường tuyển sinh theo kế hoạch chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 50 học viên/năm

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

- Hiểu được những kiến thức triết học, với tư cách là nền tảng để người học hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học;

- Nắm vững những kiến thức tiếng Anh, với mức độ là cơ sở để người học tiếp tục tự học thêm để đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được tiếng Anh trong nghiên cứu và trao đổi khoa học Kinh tế chính trị;

- Hiểu và sử dụng được các kiến thức cơ sở ngành (Lý thuyết kinh tế học vi mô, Lý thuyết kinh tế học vĩ mô, Lịch sử kinh tế Việt Nam, Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao...) và liên ngành (Chính trị và phát triển, Môi trường và phát triển, Kinh tế chính trị về nền kinh tế tri thức, Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người, Phân tích chính sách kinh tế - xã hội nâng cao...) để tiếp thu các kiến thức Kinh tế chính trị hiện đại;

- Nắm chắc các kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị hiện đại (Kinh tế chính trị của sự phát triển, Toàn cầu hoá và Kinh tế chính trị quốc tế, Kinh tế chính trị Việt Nam, Sở hữu trong nền kinh tế thị trường, Phân phối thu nhập trong nền kinh tế thị trường, Kinh tế chính trị về hội nhập quốc tế...) để có thể tiếp tục nghiên cứu ở trình độ Tiến sĩ;

- Hiểu rõ cơ sở khoa học và thực tiễn quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách và luật pháp của nhà nước.

2. Chuẩn về kĩ năng:

2.1 Kĩ năng nghề nghiệp

- Có khả năng tư duy logic, tư duy hệ thống và liên ngành;

- Có khả năng giải thích, truyền bá và tham gia triển khai thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách và luật pháp của nhà nước;

- Có năng lực phân tích và kiến nghị xử lý các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội dưới góc độ Kinh tế chính trị những vấn đề kinh tế - xã hội nảy sinh.

2.2 Kĩ năng bổ trợ

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm;

- Biết cách đàm phán, thuyết phục;

- Có kỹ năng viết và nói Tiếng Anh tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có thể sử dụng phần mềm thống kê như SPSS, Eviews hoặc STATA...

3. Chuẩn về phẩm chất đạo đức:

3.1 Trách nhiệm công dân:

Hiểu được trách nhiệm xã hội của bản thân và tích cực tham gia bảo vệ lẽ phải, bảo vệ pháp luật; bảo vệ môi trường; vận dụng kiến thức chuyên môn trong việc đề xuất xử lý các vấn đề thực tiễn.

3.2 Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ:

- Ham học hỏi, biết lắng nghe;
- Tự chủ, chủ động, sáng tạo trong công việc;
- Trung thực, khách quan, khoa học.

3.3 Thái độ tích cực, yêu nghề:

- Yêu nghề;
- Dám chịu trách nhiệm.

4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1: Cán bộ, công chức của Đảng và Nhà nước

Với những kiến thức, kỹ năng và phẩm chất được đào tạo, những hiểu biết cơ bản, hệ thống về đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách của Nhà nước, thực sĩ Kinh tế chính trị hoàn toàn đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của cán bộ, công chức của Đảng và Nhà nước. Họ có thể làm việc trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước, từ địa phương cho đến trung ương.

Nhóm 2: Chuyên viên của các tổ chức kinh tế, xã hội

Với những kiến thức mang tính liên ngành, thạc sĩ Kinh tế chính trị có thể làm việc tại các các tổ chức tư vấn kinh tế, các tổ chức hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế quốc tế tại Việt Nam; có thể trở thành chuyên viên triển khai và giám sát thực hiện các quyết định quản lý trong các tổ chức; triển vọng có thể trở thành các chuyên gia phân tích chính sách, các nhà tư vấn và quản lý kinh tế, xã hội cấp cao.

Nhóm 3: Cán bộ giảng dạy và nghiên cứu kinh tế

Với những kiến thức cơ bản, hệ thống, thạc sĩ Kinh tế chính trị có khả năng nghiên cứu và đề xuất hướng giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội. Đồng thời, họ cũng có những kỹ năng cần thiết để truyền đạt các trị thức, hiểu biết của mình. Vì vậy, họ có thể làm việc tại các viện nghiên cứu, các cơ quan truyền thông, các trường đại học khối ngành kinh tế; có thể trở thành nghiên cứu viên, biên tập viên, giảng viên; tham gia nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề kinh tế, đặc biệt là kinh tế chính trị hiện đại, có thể trở thành các nghiên cứu viên, biên tập viên, giảng viên cao cấp về kinh tế.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể học bổ sung một số nội dung chuyên môn kinh tế chính trị và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ chuyên ngành kinh tế chính trị, để trở thành các chuyên gia phân tích, các nhà lãnh đạo kinh tế, các giảng viên cao cấp về kinh tế chính trị.

7. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo

Chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị được xây dựng trên sự tham khảo chương trình đào tạo của Trường ĐH Manchester (Vương quốc Anh).

Xếp hạng Trường Manchester thứ 38 trên bảng xếp hạng thế giới do tổ chức Academic Ranking of World Universities xếp hạng năm 2014 tại website <http://www.shanghairanking.com/ARWU2014.html>.

Các học phần của chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị của Trường Manchester trong website

<http://www.manchester.ac.uk/postgraduate/taughtdegrees/courses/atoz/course/?code=06969&pg=all>

Chương trình được thiết kế theo 4 hướng nghiên cứu: đó là hướng nghiên cứu về lý thuyết Kinh tế chính trị, Kinh tế chính trị của phát triển, Kinh tế chính trị của xã hội, không gian và môi trường, Kinh tế chính trị về tài chính, kinh doanh và việc làm.

Học viên được lựa chọn 1 trong 4 hướng nghiên cứu đó và học các học phần trong chương trình theo quy định.

Trường Đại học Kinh tế lựa chọn các học phần trong 2 hướng nghiên cứu là Lý thuyết Kinh tế chính trị và Kinh tế chính trị của phát triển của Trường Manchester để xây dựng chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị của Trường do đây là 2 hướng nghiên cứu gần nhất với hướng nghiên cứu và mục tiêu đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị của nhà trường.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	64 tín chỉ
- Khối kiến thức chung:	8 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	47 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>21 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>26/67 tín chỉ</i>
- Luận văn thạc sĩ:	9 tín chỉ

2. Khung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			8				
1	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản <i>English for general purposes</i> (không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy)	4	40	20	0	
II. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH			47				
II.1 Các học phần bắt buộc			21				
3	INE 6001	Thiết kế nghiên cứu luận văn <i>Dissertation Research Design</i>	2	20	10	0	
4	INE 6005	Lý thuyết kinh tế vi mô <i>Microeconomic Theory</i>	2	20	10	0	
5	INE 6003	Lý thuyết kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomic Theory</i>	2	20	10	0	
6	PEC 6004	Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao <i>Intermediate History of Economic Doctrines</i>	3	30	15	0	
7	PEC 6007	Kinh tế chính trị Việt Nam <i>Political Economy of Vietnam</i>	3	30	15	0	
8	PEC 6006	Kinh tế chính trị của sự phát triển <i>Political Economy of Development</i>	3	30	15	0	
9	PEC 6038	Lịch sử kinh tế Việt Nam <i>Vietnamese Economic History</i>	3	30	15	0	
10	PEC 6108	Toàn cầu hóa và kinh tế chính trị quốc tế <i>Globalisation and International Political Economy</i>	3	30	15	0	
II.2 Các học phần tự chọn			26/67				
11	PEC 6005	Kinh tế chính trị Mác-xít <i>Marxist Political Economy</i>	3	30	15	0	
12	PEC 6119	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển <i>Poverty, Inequality and Government in Less Developed Countries</i>	3	30	15	0	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
13	PEC 6001	Chính trị và phát triển <i>Politics & Development</i>	2	20	10	0	
14	INE 6040	Môi trường và phát triển <i>Environment and Development</i>	2	20	10	0	
15	PEC 6103	Công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển <i>Industrialisation in Developing Countries</i>	3	30	15	0	
16	PEC 6110	Nông nghiệp trong phát triển kinh tế <i>Agriculture in Economic Development</i>	3	30	15	0	
17	PEC 6011	Tăng trưởng, phát triển và sự chuyển đổi kinh tế <i>Growth, Development & Economic Transformation</i>	2	20	10	0	
18	PEC 6013	Kinh tế chính trị về nền kinh tế tri thức <i>Political economy of knowledge economy</i>	2	20	10	0	
19	PEC 6114	Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người <i>Economic Growth and Human Development</i>	3	30	15	0	
20	PEC 6024	Toàn cầu hóa và chính sách công <i>Globalisation and Public Policy</i>	2	20	10	0	
21	PEC 6125	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế <i>States, Markets and International Governance</i>	3	30	15	0	
22	PEC 6126	Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn <i>Social Policy: Issues and Options</i>	3	30	15	0	
23	PEC 6128	Những vấn đề về chính sách thị trường lao động <i>Labour Market Policy Issues</i>	3	30	15	0	
24	PEC 6123	Quản lý khoa học công nghệ <i>Science and Technology Management</i>	3	30	15	0	
25	PEC 6017	Quản lý công và Lãnh đạo <i>Public Management and Leadership</i>	3	35	10	0	
26	PEC 6039	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội nâng cao <i>Advanced Socio-Economic</i>	3	30	15	0	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
		<i>Policy Analysis</i>					
27	INE 6006	Thương mại quốc tế <i>International trade</i>	3	30	15	0	
28	INE 6007	Tài chính tiền tệ quốc tế <i>International Finance Monetary</i>	3	30	15	0	
29	PEC 6044	Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomic Management Tools</i>	3	30	15	0	
30	PEC6048	Quan hệ sở hữu trong nền kinh tế thị trường <i>Ownership relations in Market Economy</i>	3	30	15	0	
31	PEC 6045	Phân phối thu nhập trong nền kinh tế thị trường <i>Income distribution in Market Economy</i>	3	30	15	0	
32	PEC 6046	Kinh tế chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế <i>Political economy of international economic integration</i>	3	30	15	0	
33	BSA 6015	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế <i>(Business Ethics and Corporate Culture in International Integration)</i>	3	30	15	0	
34	INE 6032	Hệ thống thông tin quản lý <i>Management information system</i>	3	30	15	0	
III	PEC 7101	LUẬN VĂN THẠC SĨ	9				
Tổng cộng			64				